ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ XUÂN LỘC

Biểu số 108/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của UBND xã Xuân Lộc)

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
Tổng số thu	**515,585**	**Tổng số chi**	**515,585**
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	**25,880**	**I. Chi đầu tư phát triển**	**91,347**
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	**77,866**	**II. Chi thường xuyên**	**413,139**
III. Thu bổ sung	**411,839**	**III. Dự phòng**	**11,099**
- Bổ sung cân đối ngân sách	411,839		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			
V. Thu chuyển nguồn CCTL năm 2025 chuyển sang			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ XUÂN LỘC

Biểu số 109/C

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của UBND xã Xuân Lộc)

Đơ

Số TT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2025		Dự toán n
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN
	Tổng số thu	**26,320**	**13,330**	**165,740**
I	**Các khoản thu 100%**	**4,338**	**4,338**	**32,300**
	Phí, lệ phí	1,809	1,809	3,850
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	910	910	960
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp			
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định			
	Đóng góp của nhân dân theo quy định			
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			
	- Lệ phí trước bạ			19,620
	Thu khác	1,619	1,619	7,870
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**21,982**	**8,992**	**133,440**
1	Các khoản thu phân chia			0
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình			
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất			
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	21,982	8,992	133,440
	- Tiền sử dụng đất			56,500
	- Tiền thuê đất			675
	- Phí BVMT đối với hoạt động KTKS			
	- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			
	- Thuế thu nhập cá nhân	5,896		21,815
	- Thuế giá trị gia tăng	10,376	6,122	47,620
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			6,680
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	165	97	150
	- Lệ phí trước bạ	5,545	2,773	
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã**			
IV	**Thu chuyển nguồn**			
V	**Thu chuyển nguồn CCTL 2024 chuyển sang**			
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**			
	- Bổ sung cân đối ngân sách			
	- Bổ sung có mục tiêu			

n vị: Triệu đồng

năm 2026
Thu NSĐP
103,746
25,880
1,700
960
19,620
3,600
77,866
0
77,866
45,200
540
28,096
3,941
89

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ XUÂN LỘC

Biểu số 110/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của UBND xã Xuân Lộc)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025			Dự toán năm 2026		
		Tổng số	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Tổng số	Chi đầu tư	Chi thường xuyên
	Tổng số chi	**396,361**	**8,195**	**388,166**	**515,585**	**91,347**	**424,238**
	Trong đó	-					
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	264,578		264,578	279,698		279,698
2	Chi khoa học và công nghệ	-			585		585
3	Chi quốc phòng	7,631		7,631	12,613		12,613
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	5,946		5,946	6,086		6,086
5	Chi y tế, dân số và gia đình	19		19	150		150
6	Chi văn hóa thông tin	4,108		4,108	7,147		7,147
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	428		428	300		300
8	Chi thể dục thể thao	515		515	400		400
9	Chi bảo vệ môi trường	3,350		3,350	10,092		10,092
10	Chi các hoạt động kinh tế	15,463	8,195	7,268	106,587	91,347	15,240
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	65,218		65,218	39,227		39,227
12	Chi bảo đảm xã hội	24,103		24,103	38,301		38,301
13	Chi thường xuyên khác	2,214		2,214	3,300		3300

14	Dự phòng chi ngân sách	2,788		2788	11,099		11099

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ XUÂN LỘC

Biểu số 111/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026

(Kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của UBND xã Xuân Lộc)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Dự toán năm 2026			
					Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
	TỔNG SỐ		**0**	**0**	**0**	**0**	**91,347**	**0**
	Nguồn chưa phân bổ (chưa có danh mục công trình)						91,347	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ XUÂN LỘC

Biểu số 112/CK TC-NSNN

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2026

(Kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của UBND xã Xuân Lộc)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025			KẾ HOẠCH NĂM 2026		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	**543,224,912**	**543,224,912**	**0**	**1,850,260,000**	**1,850,260,000**	**0**
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	543,224,912	543,224,912	0	1,850,260,000	1,850,260,000	0
Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	62,201,520	62,201,520		414,360,000	414,360,000	
Quỹ vì người nghèo	399,256,392	399,256,392		621,540,000	621,540,000	
Quỹ vì trẻ em	33,831,000	33,831,000		207,180,000	207,180,000	
Quỹ chăm sóc người cao tuổi	0	0		207,180,000	207,180,000	
Quỹ Phòng chống thiên tai	47,936,000	47,936,000		400,000,000	400,000,000	
2. Các hoạt động sự nghiệp						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi
Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi